

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188 /2017/HNGĐ - ST

Ngày: 06 / 7 / 2017

“V/v Ly hôn giữa bà M với ông C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái;

2. Bà Trần Thị Trúc Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:* Không tham gia.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm: 1972;

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Hùng C**, sinh năm: 1971;

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp A.K, xã K.A, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà M và ông C đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Hùng C tự tìm hiểu yêu thương, sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông C sống tại xã K.A, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do làm ăn thất bại dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông C có người phụ nữ khác bên ngoài, hiện tại đang sống với người đó, bà và ông C không còn sống chung từ năm 2010 cho tới nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông C

- Về con chung: Có 02 con chung: 1/ Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/6/1990, 2/ Nguyễn Thị D, sinh ngày 15/5/1995, các con đã trưởng thành và tự lập được nhưng bà xin nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn Hùng C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Đúng như lời trình của bà M về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung. Nay ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất như lời trình bày của bà M, cháu Đ và D đã trưởng thành và tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Huỳnh Thị M.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông C thống nhất với lời trình bày của bà M, không thay đổi ý kiến như đã trình bày tại phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết việc hôn nhân của bà, ông C có địa chỉ cư trú tại xã K.A, huyện A. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông C chung sống với nhau từ năm 1989, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa ông, bà không phát sinh giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử không công nhận ông C và bà M là vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Bà M và ông C đều thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/6/1990 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 15/5/1995, do các con đã trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà M và ông C thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9,

Khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

- Không công nhận bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn Hùng C là vợ chồng.
- Con chung: không xem xét giải quyết.
- Tài sản chung, nợ chung: không có.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011019 ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú (bà M đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo